

Bản án số: **03/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 06-01-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 154/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Minh K, sinh năm 1987; số CCCD: 035087002453.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3 N, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Hẻm 3, đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Minh K về việc giao nộp văn bản tố tụng tại Tòa án: bà Lê Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: LK 04, khu nhà ở sinh thái xanh F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Đà Loan (Trung Quốc).

Tại phiên tòa vắng mặt anh K (đã có đơn xin vắng mặt), chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Minh K trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 18/01/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, cãi vã, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi, không còn yêu thương lẫn nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là vào cuối năm 2010, chị H đi làm ăn và sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) và không liên lạc gì với anh. Anh đã nhiều lần cố gắng tìm cách liên lạc với chị H nhưng vẫn không có hồi âm và coi như từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân nhau. Anh biết chị H vẫn liên lạc với bố mẹ đẻ của chị ấy nhưng anh liên hệ với bố mẹ đẻ của chị H thì bố mẹ đẻ của chị H cũng không hợp tác cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài cho anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Ánh N, sinh ngày 22/9/2010. Do chị H đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Thị Ánh N cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh K trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị H tại Đài Loan (Trung Quốc) nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bố mẹ đẻ chị H là ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Lê Thị H2, địa chỉ tại thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình chị H.

* Tại buổi xác minh tại gia đình chị Nguyễn Thị H, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc H1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024 và ngày 29/11/2024 ông H1 trình bày:

Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị H và là bố vợ của anh Đỗ Minh K. Chị H và anh K kết hôn vào khoảng đầu năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn và sinh sống tại Hà Nam. Được một thời gian ngắn đến khoảng cuối năm 2010 thì ông thấy vợ chồng các con thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2011 thì chị H đưa con về nhà ông sinh sống. Thời gian đó, gia đình đã cố gắng hòa giải cho hai con nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2014, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) và gửi cháu Đỗ Thị Ánh N (sinh ngày 22/9/2010) cho vợ chồng ông chăm sóc. Hiện tại cháu N đang ở với vợ chồng ông từ khi chị H đi nước ngoài đến bây giờ. Còn anh K, từ khi chị H đi Đài Loan thì không về thăm con, cũng không hề cấp dưỡng gì cho con.

Gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị H qua điện thoại, nhưng địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của chị H thì ông không biết. Sau khi Tòa án thông báo cho ông biết việc anh K làm đơn ly hôn chị H, ông, bà cũng đã thông báo cho chị

H biết. Ông thấy vợ chồng các con đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu và ly thân cũng đã hơn 10 năm nay, tuy nhiên việc ly hôn là quyền của vợ chồng các con, ông không có ý kiến gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông đồng ý thay chị H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị H biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Minh K, xử cho anh K được ly hôn chị Nguyễn Thị H; về con chung: giao cháu Đỗ Thị Ánh N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Đỗ Minh K là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Gia Lai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh K chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố, mẹ đẻ của chị H trình bày không biết địa chỉ chị H ở Đài Loan. Tuy nhiên, chị H vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông, bà, vậy nên bố chị H là ông Nguyễn Ngọc H1 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn anh Đỗ Minh K, anh K đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt anh K và chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Đỗ Minh K và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, anh K trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, cãi vã, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi, không còn yêu thương lẫn nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là vào cuối năm 2010, chị H đi làm ăn và sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) và không liên lạc gì với anh. Anh đã nhiều lần cố gắng tìm cách liên lạc với chị H nhưng vẫn không có hồi âm và coi như từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân nhau.

Theo lời khai của ông Nguyễn Ngọc H1 là bố đẻ chị H thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn và sinh sống tại Hà Nam. Được một thời gian ngắn đến khoảng cuối năm 2010 thì ông thấy vợ chồng các con thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2011 thì chị H đưa con về nhà ông sinh sống. Thời gian đó, gia đình đã cố gắng hòa giải cho hai con nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng anh chị đã ly thân nhau hơn 10 năm nay.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Đỗ Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Thị Ánh N, sinh ngày 22/9/2010. Anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nguyên vọng của cháu N là được ở với mẹ và ông bà ngoại. Xét thấy, hiện nay chị H đang ở nước ngoài, sẽ không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con, do đó chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh K không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Chị H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này chị H có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Đỗ Minh K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Minh K:

- Về hôn nhân: Cho anh Đỗ Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ánh N, sinh ngày 22/9/2010 cho anh Đỗ Minh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K. Chị H có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Đỗ Minh K phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000614 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, anh K đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Minh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B, huyện B,
tỉnh Hà Nam;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Tới

Nguyễn Thị Mai Hoa

Mai Nam Tiến